

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2020.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Lê Thị Ánh Sáng

+ Bà Trần Thị Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 556/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bích N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Bàu L, xã Bình A, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

- Bị đơn: Anh Lê Hữu T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp Bàu L, xã Bình A, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

(Chị N, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2020, bản tự khai ngày ngày 31/7/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, có đăng kết hôn tại UBND xã Phước T, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng N, cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng sinh sống tại ấp T, xã Phước T, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Đến năm 2016, vợ chồng về sinh sống tại ấp Bàu L, xã Bình A, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có gây gổ, cãi vã anh T có đánh chị và chửi cha mẹ chị, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù, vợ chồng cùng chung sống tại căn nhà chung nhưng vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung.

1- Lê Quang H, sinh ngày 21/7/2004

2- Lê Thảo M, sinh ngày 28/9/2011

Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Lê Quang H, Lê Thảo M. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

+ *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, bị đơn anh Lê Hữu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, có đăng kết hôn tại UBND xã Phước T, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng N và sinh sống tại ấp T, xã Phước T, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Đến năm 2016, vợ chồng về sinh sống tại ấp Bàu L, xã Bình A, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Đến năm 2019, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có gây gổ, cãi vã nhưng anh không có đánh chị N. Khi gây gổ, tức giận anh có chửi cha, mẹ chị N là đúng, vợ chồng vẫn cùng chung sống tại căn nhà chung anh vẫn quan tâm đến vợ, con. Nay, chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Có 02 con chung. Lê Quang H, sinh ngày 21/7/2004; Lê Thảo M, sinh ngày 28/9/2011;

Hiện hai con chung vẫn chung sống cùng vợ chồng. Nếu ly hôn, anh đồng ý để 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng, đầy

đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh T trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung. Lê Quang H, sinh ngày 21/7/2004; Lê Thảo M, sinh ngày 28/9/2011;

Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét thấy, cháu H, cháu M đã trên 07 tuổi và các cháu có nguyện vọng được sống với chị N. Đề nghị giao 02 cháu Lê Quang H, sinh ngày 21/7/2004, Lê Thảo M, sinh ngày 28/9/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với Nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Bích N và anh Lê Hữu T cùng đăng ký thường trú tại xã Bình A, huyện Long T, tỉnh Đồng N và chị N có đơn tranh chấp ly hôn với anh T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long T theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Bích N và anh Lê Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phước T, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/02/2004 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, chị N và anh T có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay gây gỗ, cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cũng không quan tâm gì đến nhau. Chị N đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ, chị N yêu cầu ly hôn anh T, anh T không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, điều kiện để chị N và anh T đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung. Lê Quang H, sinh ngày 21/7/2004; Lê Thảo M, sinh ngày 28/9/2011. Chị N nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Anh T đồng ý giao hai cháu H và M cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, nguyên đơn chị N có điều kiện về kinh tế, có công việc và thu nhập ổn định, hai cháu H và M đã trên 07 tuổi, đều có nguyện vọng được sống cùng chị N. Để đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N, giao 02 cháu Lê Quang H, sinh ngày 21/7/2004; Lê Thảo M, sinh ngày 28/9/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Nợ chung: Không có.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Nguyễn Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bích N đối với anh Lê Hữu T về việc “Tranh chấp ly hôn”

Cho chị Nguyễn Bích N được ly hôn anh Lê Hữu T.

Về con chung: Giao 02 cháu Lê Quang H, sinh ngày 21/7/2004 và Lê Thảo M, sinh ngày 28/9/2011 cho chị Nguyễn Bích N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Lê Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh T được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Không có.

2- Về án phí: Chị Nguyễn Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0001737 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Ánh Sáng

Trần Thị Hồng Phượng

Nguyễn Tấn Cảnh